

BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC
ĐÃ PHÊ DUYỆT

Lần đầu: 0.5/-07-2018

CEDOKIDS 30
Racecadotril 30mg

Box of 10 sachets x 3g
Powder for oral suspension



CEDOKIDS 30
Racecadotril 30mg

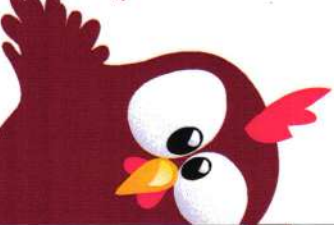
Box of 10 sachets x 3g
Powder for oral suspension



60 x 45 x 85 mm	
Prescription drug	
Composition:	
Each sachet 3g contains:	
Racecadotril.....30mg	
Excipients q.s.....1sachet.	
Indications, contra-indications, dosage, administration, other information:	
Please refer to enclosed package insert.	
Storage:	
In a dry and cool place, below 30°C, protect from direct sunlight.	
Keep out of reach of children.	
Read the package insert carefully before use.	
Specification: In house.	
Manufacturer: US PHARMA USA CO., LTD Lot B1-10, D2 Street, Tây Bắc, Củ Chi Industrial Zone, HCMC.	

CEDOKIDS 30
Racecadotril 30mg

Box of 10 sachets x 3g
Powder for oral suspension



Thuốc bán theo đơn

55 x 80 mm	
Thành phần:	
Mỗi gói 3g chứa:	
Racecadotril.....30mg	
Tá dược v.d.....1 gói.	
Chỉ định, chống chỉ định, liều dùng, cách dùng, các thông tin khác:	
Xem tờ hướng dẫn sử dụng đính kèm.	
Bảo quản:	
Nơi khô thoáng, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng.	
Để xa tầm tay trẻ em.	
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.	
Tiêu chuẩn: Tiêu chuẩn cơ sở.	
SDK (Reg. No.):	
Số lô SX (Batch No.):	
Ngày SX (Mfg.):	
HD (Exp.):	
Nhà sản xuất: CÔNG TY TNHH US PHARMA USA Lô B1-10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.HCM.	

CEDOKIDS 30
Racecadotril 30mg

Bột pha hỗn dịch uống



Thuốc bán theo đơn

Thành phần:
Mỗi gói 3g chứa:
Racecadotril.....30mg
Tá dược v.d.....1 gói.
Chỉ định, chống chỉ định, liều dùng, cách dùng, các thông tin khác:
Xem tờ hướng dẫn sử dụng đính kèm.
Bảo quản:
Nơi khô thoáng, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng.
Để xa tầm tay trẻ em.
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.
Tiêu chuẩn: Tiêu chuẩn cơ sở.
SDK (Reg. No.):
Số lô SX (Batch No.):
Ngày SX (Mfg.):
HD (Exp.):

Nhà sản xuất: CÔNG TY TNHH US PHARMA USA
Lô B1-10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.HCM.

60 x 62 x 85 mm

(Rx) Prescription drug

CEDOKIDS 30
Racecadotril 30mg

Box of 20 sachets x 3g
Powder for oral suspension



Manufacturer: US PHARMA USA CO., LTD.
Lot B1-10, D2 Street, Tay Bac Cu Chi Industrial Zone, HCMC



(R_x) Thuộc bán theo đơn

CEDOKIDS 30
Racecadotril 30mg

Hộp 20 gói x 3g
Bột pha hỗn dịch uống



SDK (Reg. No.):
 Số lô SX (Batch No.):
 Ngày SX (Mfd.):
 HD (Exp.):

NHÀ SẢN XUẤT CÔNG TY TNHH US PHARM USA
LƯU BỊ-10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP HCM



Thành phần:

Môi gói 3g chứa:	
Placecadofol.....	30mg
Tá được v.d.....	1 gói

Chỉ định, chống chỉ định, liều dùng, cách dùng, các thông tin khác:

Xem to hướng dẫn sử dụng kèm trong hộp

Bao quản:

Nơi khó thoáng, nhiệt độ dưới 30°C
tránh ánh sáng.

Đặc xa khác: Xem totem

Dạng và hướng dẫn sử dụng: Xem totem

Tên chuẩn: Tên chuẩn là 607

55 x 80 mm

$\mathcal{P}_\infty$) Thuộc hạn theo đơn

CEDOKIDS 30
Racecadotril 30mg

Bột pha hỗn dịch uống



Thành phần:

Mỗi gói 3g chứa:

Racecadotril.....30mg

Tã được v.đ.....1 gói.

Chỉ định, chống chỉ định, liều dùng, cách dùng, các thông tin khác:

Xem tờ hướng dẫn sử dụng đính kèm.

Bảo quản:

Nơi khô thoáng, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng.

Để xa tầm tay trẻ em.

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

Tiêu chuẩn: Tiêu chuẩn cơ sở.

SDK (Reg. No.):

Số lô SX (Batch No.):

Ngày SX (Mfg.):

HD (Exp.):

Nhà sản xuất: CÔNG TY TNHH US PHARMA USA
Lô B1-10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.HCM



CEDOKIDS 30

Racecadotril 30 mg

Thuốc kê đơn

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

Để xa tầm tay trẻ em

Thông báo ngay cho bác sĩ hoặc dược sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc

A. THÔNG TIN THUỐC CHO BỆNH NHÂN

1. Thành phần, hàm lượng của thuốc:

Mỗi gói bột pha hỗn dịch uống 3,0 g chứa:

Racecadotril 30,00 mg

Tá dược: Sucrose, Dextrose khan, Aspartam, Kollidon CL-M, Mùi dâu bột, Polyvinyl pyrrolidon K30, Gôm xanthan, Aerosil, Magnesi Stearat.

2. Mô tả sản phẩm: Chế phẩm có dạng bột màu trắng, mùi dâu, vị ngọt.

3. Quy cách đóng gói:

- Hộp 10 gói x 3,0 g; Hộp 14 gói x 3,0 g; Hộp 20 gói x 3,0 g.

4. Thuốc dùng cho bệnh gì:

Điều trị triệu chứng tiêu chảy cấp ở trẻ trên 3 tháng tuổi khi các biện pháp thông thường (bao gồm bù nước bằng đường uống) là không đủ để kiểm soát các triệu chứng.

5. Nên dùng thuốc này như thế nào và liều lượng:

Có thể cho thuốc vào thức ăn hoặc trộn vào một cốc nước hoặc bình sữa. Trộn đều và cho trẻ uống ngay lập tức.

Liều đầu tiên có thể được dùng bất kỳ thời điểm nào trong ngày, uống 3 liều một ngày, dùng hàng ngày cho đến khi kết thúc đợt điều trị. Thời gian điều trị không kéo dài quá 7 ngày.

CEDOKIDS 30 được dùng cho trẻ em trên 3 tháng tuổi và có cân nặng ≥ 13 kg.

Liều dùng được xác định theo trọng lượng cơ thể của trẻ: 1,5 mg/ kg thể trọng, cụ thể như sau:

Trẻ có cân nặng 13-27kg: 30 mg (1 gói CEDOKIDS 30) x 3 lần/ngày.

Trẻ có cân nặng > 27 kg: 60 mg (2 gói CEDOKIDS 30) x 3 lần/ngày.

Đối với những trẻ trên 3 tháng có cân nặng < 13 kg nên sử dụng dạng bào chế có phân liều phù hợp.

Các đối tượng đặc biệt

Không có thông tin đối với trẻ dưới 3 tháng tuổi và trẻ em bị suy gan, suy thận.

Cần thận trọng khi dùng thuốc cho trẻ bị suy gan hoặc suy thận.

6. Khi nào không nên dùng thuốc này:

Không dùng thuốc cho trẻ nếu trẻ mẫn cảm với hoạt chất hoặc bất kỳ thành phần nào của tá dược.

Không dùng CEDOKIDS 30 đồng thời với các thuốc ức chế men chuyển (ACE) vì tăng nguy cơ phù mạch.

Thuốc có chứa tá dược sucrose nên những trẻ có tình trạng không dung nạp fructose, hội chứng kém hấp thu glucose hoặc thiếu hụt saccharase – isomaltase không được dùng.

7. Tác dụng không mong muốn (ADR):

Racecadotril có thể gây ra các tác dụng phụ, mặc dù không phải bệnh nhân nào cũng gặp phải.

Nhiễm trùng và nhiễm ký sinh trùng:

Ít gặp, ADR $< 1/100$: viêm amidan.

Rối loạn da và mô dưới da:

Ít gặp, ADR $< 1/100$: phát ban, ban đỏ.

Không biết (không thể ước tính dựa trên dữ liệu hiện có): có nhiều tuýp ban đỏ bao gồm: ban đỏ nhiều dạng, ban đỏ có nhiều u cục, phát ban sần, ngứa sần, mề đay, sưng tấy (phù nề) lưỡi, mặt, môi, mí mắt, cũng như sưng mặt và mũi, ngứa.

8. Nên tránh dùng những thuốc hoặc thực phẩm gì khi đang sử dụng thuốc này:

Không có tương tác thuốc nào được mô tả ở người cho đến nay.



Cả loperamid và nifuroxamid không làm thay đổi các thức hoạt động của racecadotril trong cơ thể khi các thuốc này được dùng đồng thời.

9. Cần làm gì khi một lần quên dùng thuốc:

Nếu bạn quên cho trẻ dùng thuốc, không cho trẻ dùng gấp đôi liều để bù cho liều đã quên. Nếu cần thêm thông tin, hãy hỏi lời khuyên của bác sĩ hoặc dược sĩ.

10. Cần bảo quản thuốc này như thế nào:

Bảo quản thuốc ở nơi khô, thoáng, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng.

11. Những dấu hiệu và triệu chứng khi dùng thuốc quá liều:

Không có trường hợp quá liều nào đã được báo cáo. ở người lớn, các liều đơn trên 2g tương đương với 20 lần liều điều trị đã được dùng mà không gây ra các tác dụng có hại.

12. Cần phải làm gì khi dùng thuốc quá liều khuyến cáo:

Nếu trẻ dùng thuốc quá liều khuyến cáo thì hãy liên hệ ngay với bác sĩ hoặc dược sĩ.

13. Những điều cần thận trọng khi dùng thuốc này:

Việc dùng CEDOKIDS 30 không thay thế được nhu cầu uống nước của trẻ. Cần cho trẻ uống đủ nước trong ngày.

Nếu trẻ bị tiêu chảy nặng và/ hoặc kéo dài kèm theo trẻ bị nôn và/ hoặc kém ăn, hãy hỏi ý kiến bác sĩ, liệu pháp truyền dịch có thể cần thiết trong những trường hợp này.

Hãy hỏi ý kiến bác sĩ nếu bạn thấy có máu hoặc mủ trong phân của trẻ và/ hoặc trẻ bị sốt, vì dấu hiệu này có thể cho thấy có sự nhiễm khuẩn (hoặc một bệnh nghiêm trọng khác) là nguyên nhân gây tiêu chảy. Với những trường hợp này, CEDOKIDS 30 có thể không phải là thuốc để điều trị triệu chứng.

Tiêu chảy kéo dài (mạn tính) không được nghiên cứu đầy đủ với thuốc này. Cũng như vậy, CEDOKIDS 30 không được thử trên những bệnh nhân dùng kháng sinh được kết hợp với tiêu chảy.

CEDOKIDS 30 cũng có thể không tác dụng nếu trẻ bị nôn (giảm sinh khả dụng). Hãy báo cho bác sĩ nếu trẻ gặp triệu chứng này.

Nếu trẻ bị tiểu đường hãy thông báo với bác sĩ trước khi cho trẻ dùng CEDOKIDS 30 do thuốc có chứa 580 mg sucrose mỗi gói 1g.

Nếu trẻ cần dùng liều cao CEDOKIDS 30, lượng sucrose (nguồn glucose và fructose) được đưa vào vượt quá 5g mỗi ngày, thì sau đó phải tính toán tỷ lệ đường dùng hàng ngày cho trẻ.

Không dùng CEDOKIDS 30 cho trẻ dưới 3 tháng tuổi vì không có thử nghiệm lâm sàng nào được thực hiện trên đối tượng này.

Không dùng CEDOKIDS 30 cho bất kỳ trẻ nhỏ nào bị bệnh gan hoặc thận không kể mức độ nghiêm trọng của bệnh như thế nào, vì không có đủ thông tin trên các đối tượng bệnh nhân này với việc dùng CEDOKIDS 30.

Đã có những báo cáo về các phản ứng trên da khi sử dụng thuốc, hầu hết đều là trường hợp nhẹ và không cần điều trị, nhưng trong một số trường hợp, chúng có thể nặng thậm chí đe dọa tính mạng. Khi gặp những phản ứng nặng trên da, phải lập tức ngừng dùng thuốc.

Tá dược:

Aspartam là một nguồn phenylalanin. Nó có thể gây hại nếu bạn bị bệnh phenylketon niệu (PKU), là một rối loạn di truyền hiếm gặp, do cơ thể không thể loại bỏ phenylalanin một cách thích đáng gây tích lũy phenylalanin.

Dextrose (glucose): Những bệnh nhân bị chứng kém hấp thu glucose – galactose hiếm gặp không nên sử dụng thuốc này.

Phụ nữ mang thai và cho con bú

Thuốc này không có mục đích được dùng cho phụ nữ có khả năng mang thai, phụ nữ có thai hoặc phụ nữ cho con bú.

Ảnh hưởng khi lái xe và vận hành máy móc

Không có vì thuốc chỉ dành cho trẻ em.

14. Khi nào cần tham vấn bác sỹ, dược sỹ:

Khi gặp phải những tác dụng không mong muốn khi sử dụng thuốc và khi dùng quá liều quy định.

“Nếu cần thêm thông tin xin hỏi ý kiến bác sỹ hoặc dược sỹ”.

15. Hạn dùng của thuốc: 36 tháng kể từ ngày sản xuất

16. Ngày xem xét sửa đổi, cập nhật lại nội dung hướng dẫn sử dụng thuốc: 04-01-2017

B. THÔNG TIN THUỐC CHO CÁN BỘ Y TẾ

1. Các đặc tính dược lực học, dược động học

Dược lực học:

Racecadotril là một tiền chất mà cần được thủy phân thành chất chuyển hóa hoạt tính thiorphan, là chất ức chế enkephalinase, một peptidase màng tế bào ở trong các mô khác nhau, chủ yếu là biểu mô của ruột non. Enzym này tham gia vào các quá trình thủy phân peptid ngoại sinh và phá hủy peptid như các enkephalin đó là hoạt động sinh lý ở ống tiêu hóa, kéo dài tác dụng kích thích bài tiết của chúng.

Racecadotril là một chất chống tiết, mà hoạt động của nó được giới hạn ở ruột non. Nó làm giảm tăng tiết nước và điện giải ở ruột non, gây ra bởi độc tính tả hoặc viêm, và không có ảnh hưởng tới hoạt động bài tiết cơ bản. Racecadotril tác dụng nhanh hoạt tính chống tiêu chảy mà không làm thay đổi thời gian chuyển vận ở ruột non.

Khi dùng đường uống, thuốc chỉ tác động ở ngoại biên, mà không có ảnh hưởng trên hệ thần kinh trung ương.

Dược động học:

Hấp thu: Racecadotril được hấp thu nhanh chóng sau khi uống. Sự ức chế men enkephalinase huyết tương bắt đầu sau khoảng 30 phút. Sinh khả dụng của racecadotril không bị thay đổi bởi thức ăn, nhưng nồng độ đỉnh bị chậm lại khoảng 1 giờ 30 phút.

Phân bố: Chỉ khoảng 1% liều dùng được phân bố vào các mô. 90% chất chuyển hóa hoạt tính của racecadotril, (RS)-N-(1-oxo-2-(mercaptomethyl)-3-phenylpropyl) glycine, được liên kết với protein huyết tương, chủ yếu là với albumin. Các tính chất dược động học của racecadotril không bị thay đổi do dùng liều lặp lại hoặc dùng cho người già. Khoảng thời gian và phạm vi ảnh hưởng của racecadotril phụ thuộc liều dùng. Thời gian để ức chế enkephalinase đạt đỉnh trong huyết tương xấp xỉ 2 giờ và tương đương với 75% sự ức chế với liều 100 mg.

Chuyển hóa: thời gian bán thải sinh học của racecadotril được tính theo sự ức chế enkephalinase huyết tương, là xấp xỉ 3 giờ. Racecadotril bị thủy phân nhanh chóng thành chất chuyển hóa có hoạt tính (RS)-N-(1-oxo-2-(mercaptomethyl)-3-phenylpropyl) glycine, chất mà được biến đổi trở lại thành các chất chuyển hóa không còn hoạt tính. Việc dùng lặp lại racecadotril không gây tích lũy thuốc trong cơ thể. Racecadotril không đóng vai trò như là tác nhân gây cảm ứng hay ức chế men cytochrome P – 450.

Thải trừ: Racecadotril được thải trừ chủ yếu ở dạng chuyển hóa không hoạt tính, chủ yếu qua đường nước tiểu, và có mức độ ít hơn nhiều qua đường phân. Thải trừ qua đường phổi là không có ý nghĩa.

2. Chỉ định:

Điều trị triệu chứng tiêu chảy cấp ở trẻ trên 3 tháng tuổi khi các biện pháp thông thường (bao gồm bù nước bằng đường uống) là không đủ để kiểm soát các triệu chứng.

3. Liều lượng và cách dùng:

Liều đầu tiên có thể được dùng bất kì thời điểm nào trong ngày, uống 3 liều một ngày, dùng hàng ngày cho đến khi kết thúc đợt điều trị. Thời gian điều trị không kéo dài quá 7 ngày.

CEDOKIDS 30 được dùng cho trẻ em trên 3 tháng tuổi và có cân nặng ≥ 13 kg.

Liều dùng được xác định theo trọng lượng cơ thể của trẻ: 1,5 mg/ kg thể trọng, cụ thể như sau:

Trẻ có cân nặng 13-27kg: 30 mg (1 gói CEDOKIDS 30) x 3 lần/ngày.

Trẻ có cân nặng > 27kg: 60 mg (2 gói CEDOKIDS 30) x 3 lần/ngày.

Đối với những trẻ trên 3 tháng có cân nặng < 13 kg nên sử dụng dạng bào chế có phân liều phù hợp.

Các đối tượng đặc biệt

Không có thông tin đối với trẻ dưới 3 tháng tuổi và trẻ em bị suy gan, suy thận.

Cần thận trọng khi dùng thuốc cho trẻ bị suy gan hoặc suy thận.

Cách dùng:

Có thể cho thuốc vào thức ăn hoặc trộn vào một cốc nước hoặc bình sữa. Trộn đều và cho trẻ uống ngay lập tức.

4. Chống chỉ định:

Không dùng thuốc cho trẻ nếu trẻ mẫn cảm với hoạt chất hoặc bất kì thành phần nào của tá dược.

Không dùng CEDOKIDS 30 đồng thời với các thuốc ức chế men chuyển (ACE) vì tăng nguy cơ phù mạch.

Thuốc có chứa tá dược sucrose nên những trẻ có tình trạng không dung nạp fructose, hội chứng kém hấp thu glucose hoặc thiếu hụt saccharase – isomaltase không được dùng.

5. Cảnh báo và thận trọng:

Việc dùng CEDOKIDS 30 không thay thế được nhu cầu uống nước của trẻ. Cần cho trẻ uống đủ nước trong ngày.

Nếu trẻ bị tiêu chảy nặng và/ hoặc kéo dài kèm theo trẻ bị nôn và/ hoặc kém ăn, hãy hỏi ý kiến bác sĩ, liệu pháp truyền dịch có thể cần thiết trong những trường hợp này.

Hãy hỏi ý kiến bác sĩ nếu bạn thấy có máu hoặc mủ trong phân của trẻ và/ hoặc trẻ bị sốt, vì dấu hiệu này có thể cho thấy có sự nhiễm khuẩn (hoặc một bệnh nghiêm trọng khác) là nguyên nhân gây tiêu chảy. Với những trường hợp này, CEDOKIDS 30 có thể không phải là thuốc để điều trị triệu chứng.

Tiêu chảy kéo dài (mạn tính) không được nghiên cứu đầy đủ với thuốc này. Cũng như vậy, CEDOKIDS 30 không được thử trên những bệnh nhân dùng kháng sinh được kết hợp với tiêu chảy.

CEDOKIDS 30 cũng có thể không tác dụng nếu trẻ bị nôn (giảm sinh khả dụng). Hãy báo cho bác sĩ nếu trẻ gặp triệu chứng này.

Nếu trẻ bị tiêu đường hãy thông báo với bác sĩ trước khi cho trẻ dùng CEDOKIDS 30 do thuốc có chứa 580 mg sucrose mỗi gói 1g.

Nếu trẻ cần dùng liều cao CEDOKIDS 30, lượng sucrose (nguồn glucose và fructose) được đưa vào vượt quá 5g mỗi ngày, thì sau đó phải tính toán tỷ lệ đường dùng hàng ngày cho trẻ.

Không dùng CEDOKIDS 30 cho trẻ dưới 3 tháng tuổi vì không có thử nghiệm lâm sàng nào được thực hiện trên đối tượng này.

Không dùng CEDOKIDS 30 cho bất kỳ trẻ nhỏ nào bị bệnh gan hoặc thận không kể mức độ nghiêm trọng của bệnh như thế nào, vì không có đủ thông tin trên các đối tượng bệnh nhân này với việc dùng CEDOKIDS 30.

Đã có những báo cáo về các phản ứng trên da khi sử dụng thuốc, hầu hết đều là trường hợp nhẹ và không cần điều trị, nhưng trong một số trường hợp, chúng có thể nặng thậm chí đe dọa tính mạng. Khi gặp những phản ứng nặng trên da, phải lập tức ngừng dùng thuốc.

Tá dược:

Aspartam là một nguồn phenylalanin. Nó có thể gây hại nếu bạn bị bệnh phenylketon niệu (PKU), là một rối loạn di truyền hiếm gặp, do cơ thể không thể loại bỏ phenylalanin một cách thích đáng gây tích lũy phenylalanin.

Dextrose (glucose): Những bệnh nhân bị chứng kém hấp thu glucose – galactose hiếm gặp không nên sử dụng thuốc này.

6. Phụ nữ có thai:

Thuốc này không có mục đích được dùng cho phụ nữ có khả năng mang thai, phụ nữ có thai.

7. Thời kỳ cho con bú:

Thuốc này không có mục đích được dùng cho phụ nữ cho con bú.

8. Ảnh hưởng khi lái xe và vận hành máy móc:

Không có vì thuốc chỉ dành cho trẻ em.

9. Tương tác của thuốc:

Không có tương tác thuốc nào được mô tả ở người cho đến nay.

Cả loperamid và nifuroxamid không làm thay đổi các thức hoạt động của racecadotril trong cơ thể khi các thuốc này được dùng đồng thời.

10. Tác dụng không mong muốn (ADR):

Racecadotril có thể gây ra các tác dụng phụ, mặc dù không phải bệnh nhân nào cũng gặp phải.

Nhiễm trùng và nhiễm ký sinh trùng:

Ít gặp, ADR < 1/100: viêm amidan.

Rối loạn da và mô dưới da:

Ít gặp, ADR < 1/100: phát ban, ban đỏ.

Không biết (không thể ước tính dựa trên dữ liệu hiện có): có nhiều tuýp ban đỏ bao gồm: ban đỏ nhiều dạng, ban đỏ có nhiều u cục, phát ban sần, ngứa sần, mày đay, sưng tấy (phù nề) lưỡi, mặt, môi, mí mắt, cũng như sưng mặt và mũi, ngứa.

11. Quá liều và cách xử trí:

Không có trường hợp quá liều nào đã được báo cáo. ở người lớn, các liều đơn trên 2g tương đương với 20 lần liều điều trị đã được dùng mà không gây ra các tác dụng có hại.

Tên, địa chỉ của cơ sở sản xuất:

CÔNG TY TNHH US PHARMA USA

Lô B1 – 10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi – TP. Hồ Chí Minh – Việt Nam.

Mọi thắc mắc và thông tin chi tiết, xin liên hệ số điện thoại 028-37908860



US PHARMA USA



**TUQ CỤC TRƯỞNG
P.TRƯỞNG PHÒNG**

Nguyễn Thị Thu Thủy

